KINH TẾ - XÃ HỘI

TOÀN CẦU HOÁ VÀ MỘT SỐ SÁNG KIẾN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA CHÍNH QUYỀN BUSH

PGS. TS. Đỗ Lộc Diệp

Mở đầu

Nhằm đảm bảo cho toàn cầu hoá diễn ra đáp ứng được những mục tiêu chiến lược của mình, các chính quyền Mỹ kế tiếp nhau đã và đang thực hiện hàng loạt biện pháp, chính sách trên nhiều bình diện khác nhau về đối nội và đối ngoại tuỳ theo những diễn biến thực tế của các sự kiện lịch sử ở trong nước cũng như ở nước ngoài. Bài viết này xem xét khái quát tác động của toàn cầu hoá đối với nền kinh tế Mỹ và một vài sáng kiến đáng lưu ý do chính quyền Tổng thống G. W. Bush vạch ra và thực hiện.

I. Toàn cầu hoá và nền kinh tế Mỹ

Một trong những xu hướng phát triển then chốt của thế giới trong khoảng vài thập niên vừa qua là sự toàn cầu hoá bao trùm hầu khắp các lĩnh vực của đời sống nhân loại mà trong đó toàn cầu hoá kinh tế là yếu tố cấu thành cơ bản của nó với tư cách là một nhân tố tạo dựng then chốt bộ mặt mới của thế giới ngày nay, tác động đến tất cả các quốc gia trên hành tinh dù khác nhau, lớn nhỏ thế nào, kể cả những đại cường quốc hay siêu cường như Hoa Kỳ.

Về phương diện kinh tế do tác động của nhân tố này, nhu cầu bên ngoài của các quốc gia khác ngày nay đang giới hạn một cách đáng kể khả năng tăng trưởng kinh tế ở Hoa Kỳ. Toàn cầu hoá biểu hiện trước hết ở sự quốc tế hoá đã đạt đến trình độ cao của các lĩnh vực sản xuất và tài chính của tất cả các quốc gia. Nó là kết quả của sự tăng lên về chất lượng của toàn bộ khối lượng và tính đa dạng của các giao dịch đan kết xuyên biên giới về tư bản (vốn), dịch vụ, hàng hoá, công nghệ và tư tưởng. Toàn cầu hoá nền kinh tế gắn liền chặt chẽ với một giai đoạn phát triển mới về chất của các phương tiện thông tin và liên lạc. Xuất phát từ một trình độ phát triển mới của công nghệ thông tin - viễn thông có thể khẳng định rằng biên giới giữa các quốc gia ngày càng trở nên thông thoáng hơn và hiện đã đạt đến trình độ cao chưa từng thấy cho mọi hoạt động kinh tế, đặc biệt là đối với đầu tư. Hệ thống tài chính thế giới trong thực tế đã không còn hoàn toàn phụ thuộc vào sự kiểm soát và điều tiết của mỗi quốc gia riêng biệt. Do đó, các luồng tài chính thế giới đã và đang tăng lên vùn vụt. Mỹ đang chiếm địa vị ưu thế ở đây, song bản thân nó đã trở thành một nước con nợ lớn nhất thế giới, đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Mỹ trở thành một động lực phát triển của kinh tế Mỹ.

Song song với quá trình toàn cầu hoá các thị trường hàng hoá và tài chính trong mấy thập kỷ gần đây đã diễn ra quá trình toàn cầu hoá các thị trường mang tính chính trị, mà biểu hiện nổi bật trước tiên của nó ở sự mở

rộng một cách đặc biệt của những chủ thể kinh tế mà các nhu cầu của chúng gây ra những phản ứng ráo riết của các chính phủ dân tộc. Một ví dụ nổi bật nhất về sự can thiệp vào đời sống chính trị của các chủ thể này là ảnh hưởng của các công ty xuyên quốc gia (TNC) đối với các nhà nước hữu quan thông qua các quyết định liên quan đến hoạt động của chúng có lợi cho mình. Hiện nay, các công ty xuyên quốc gia, chủ yếu là các công ty xuyên quốc gia của Mỹ, kiểm soát 2/3 toàn bộ thương mại thế giới và 80% đầu tư nước ngoài. Số các chi nhánh của các TNC ở nước ngoài trong khi tổng hành dinh của chúng vẫn ở chính quốc lên đến 690 nghìn. Tiềm năng kinh tế của TNC lớn nhất có thể sánh với tổng sản phẩm của những quốc gia lớn. Chẳng hạn, có năm tổng doanh số của Công ty Microsoft đã từng lên đến con số gần bằng GDP của nước Nga.

Hiện nay, doanh số bán ra hàng hoá và dịch vụ của các chi nhánh TNC ở nước ngoài gần bằng 11 nghìn tỷ đôla, trong khi tổng khối lượng buôn bán quốc tế chỉ khoảng 7 nghìn tỷ đôla. Bởi vậy, sản xuất quốc tế dựa trên sự di chuyển tư bản giữa các nước có tầm quan trọng đối với sự vận động của hàng hoá lớn hơn nhiều so với buôn bán quốc tế truyền thống. Hiện có đến 1/3 xuất khẩu của thế giới được thực hiện như là những khoản cung cấp nội bộ của các công ty xuyên quốc gia.

Quy mô to lớn và nhu cầu có khả năng thanh toán cao của thị trường nội địa là nhân tố bảo đảm ở mức độ rất cao sự dẫn đầu của Hoa Kỳ trong nền kinh tế toàn cầu. Nói cách khác dung lượng cao của thị trường nội địa đang đảm bảo cho Mỹ địa vị độc đáo trong nền kinh tế toàn cầu. Với GDP hàng năm đã đạt tới trên 12 nghìn tỷ đôla hiện nay, có thể nói nhu cầu tiêu dùng hàng ngày và đầu tư của Mỹ hàng năm đều lớn hơn bất kỳ nước nào khác. Đây là một kích thích tố mạnh mẽ thúc đẩy các nước khác tranh giành cho được một sào huyệt của mình ở thị trường Mỹ.

Nhìn chung không ai nghi ngờ việc toàn cầu hoá có tác động rất thuận lợi cho sự phát triển nền kinh tế và đảm bảo mức sống cao ổn định của Mỹ. Đồng thời cũng không ai có thể phủ nhận quá trình toàn cầu hoá đã và đang làm nảy sinh không ít những hậu quả và các vấn đề kinh tế - xã hội nhiều mặt, đòi hỏi nhà nước và xã hội Mỹ phải có những biện pháp khắc phục tương ứng.

Đặc biệt là nguy cơ hoàn toàn hiện thực nảy sinh từ những thay đổi bất ngờ có thể xảy ra trong các luồng di chuyển tư bản sau cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9/2001. Nguy cơ này đã bộc lộ một cách cụ thể khi mà những khoản đầu tư chứng khoán bắt đầu rút chạy khỏi nền kinh tế Mỹ.

Đối với Mỹ toàn cầu hoá cũng biểu hiện ở sự thiếu hụt thương mại quy mô lớn và ngày càng tăng khiến cho Mỹ không chỉ thu lợi dưới dạng nhập khẩu rẻ, mà còn tạo điều kiện làm gia tăng thiếu hụt của cán cân thanh toán khiến cho nợ nước ngoài của Mỹ tăng lên. Sự giảm sút tốc độ tăng trưởng kinh tế ở các nước thuộc liên minh châu Âu, Nhật Bản và các nước châu Á - Thái Bình dương tạo điều kiện giảm nhu cầu về hàng hoá và dịch vụ của Mỹ và do vậy kìm hãm tốc độ tăng trưởng GDP của Mỹ.

Nhằm tăng cường ưu thế của toàn cầu hoá và tối thiểu hoá những hậu quả tiêu cực của nó, chính quyền Mỹ mưu toan khuyến khích sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là trong các lĩnh vực phù hợp với những lợi ích của Mỹ.

Chiến lược An ninh quốc gia của Mỹ năm 2002 đã dành một trong những phần then chốt của nó để cập đến những vấn đề kinh tế với tiêu đề chứa đựng mục tiêu của chính sách kinh tế đối ngoại của Mỹ trong điều kiện toàn cầu hoá: "Đảm bảo kỷ nguyên mới của tăng trưởng kinh tế toàn cầu thông qua các thị trường tự do và buôn bán tự do". Chiến lược An ninh quốc gia năm 2006 có một phần then chốt mang tiêu đề "Bắt đầu kỷ nguyên mới của tăng trưởng kinh tế toàn cầu thông qua các thị trường tự do và thương mại tự do", khẳng định lại rằng chiến lược khuyến khích tăng trưởng kinh tế toàn cầu giả định tạo thêm chỗ làm việc mới và đảm bảo thu nhập cao, thực thi cải cách kinh tế và luật pháp, đấu tranh chống tham nhũng, thích nghi dần dần với tự do và dân chủ; các chính phủ của tất cả các quốc gia cần phải xây dựng và thực thi những chính sách riêng tương ứng của mình và chịu trách nhiệm về các kết quả của nó, còn Hoa Kỳ sẽ sử dụng quan hệ của mình với các nước khác để khẳng định ưu thế của mô hình tăng trưởng kinh tế Mỹ.

Để đạt được sự tăng trưởng kinh tế thế giới ổn định, Chiến lược An ninh quốc gia Mỹ năm 2002 đề nghị tất cả các quốc gia thực hiện một tổ hợp cải tạo thể chế sâu sắc mà đáng lưu ý nhất là những cải tạo sau đây:

1) Những biện pháp luật pháp và điều tiết của Nhà nước hướng vào tăng trưởng, khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ và tinh thần kinh doanh năng động.

2) Chính sách thuế mang tính khuyến khích, đặc biệt là giảm thuế cho tầng lớp trên để cải tiến những nhân tố kích thích lao động và đầu tư.

3) Sự ưu tiên của luật pháp và sự không khoan nhượng đối với nạn tham nhũng, làm cho mọi người hiểu rằng họ có thể hưởng những thành quả của phồn vinh kinh tế.

4) Sự ổn định của hệ thống tài chính cho phép tư bản tìm được sự vận dụng hiệu quả nhất.

5) Chính sách tài chính hiệu quả để đảm bảo kinh doanh.

6) Đầu tư vào y tế và giáo dục để cải thiện phúc lợi và chuyên nghiệp của sức lao động và dân cư nói chung.

7) Tự do thương mại đảm bảo những phương hướng tăng trưởng mới và sự xâm nhập lẫn nhau của công nghệ và tư tưởng, khuyến khích tăng năng suất.

Những quan điểm cơ bản của phần kinh tế trong Chiến lược An ninh quốc gia năm 2002 đề cập đến sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế thế giới và được bình giải chi tiết hơn trong "Báo cáo kinh tế của Tổng thống năm 2003" tại chương mang tiêu đề "Chương trình khuyến khích tăng trưởng cho nền kinh tế toàn cầu". Bản báo cáo vạch ra ba nguyên tắc then chốt đảm bảo tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đó là đảm bảo tự do kinh tế, quản lý bằng luật pháp và tiến hành đầu tư vào con người.

Toàn cầu hoá kinh tế có ý nghĩa sống còn đối với Mỹ. Chiến lược An ninh quốc gia Mỹ năm 2006 nhận định cần phải đảm bảo sự lãnh đạo toàn cầu của Mỹ trong việc xây dựng trật tự kinh tế toàn cầu dựa trên nền kinh tế thị trường hiện đại và thừa nhận tính phổ quát của những giá trị dân chủ. Nó khẳng định "để mở rộng tự do dân chủ và phồn vinh, Hoa Kỳ tạo điều kiện cho sự phát triển thương mại tự do và công bằng, các thị trường mở, hệ thống tài chính ổn định, liên kết kinh tế toàn cầu và ngành năng lượng vững chắc". Để thực hiện những nội dung chiến lược của chính sách kinh tế đối ngoại Mỹ được đề cập

trong văn kiện này cũng như các văn kiện cùng loại từ năm 2002 đến nay, chính quyền của Tổng thống G. Bush vạch ra và thực thi một loạt sáng kiến khuyến khích thực tế sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Ở đây, chỉ xin điểm lại ba sáng kiến nổi bật được nêu ra từ năm 2002. Những sáng kiến này, đã và đang được thực hiện nhất quán ở những mức độ khác nhau.

II. Một số sáng kiến kinh tế đối ngoại.

1. Sáng kiến thứ nhất.

Sáng kiến này gắn với việc thực thi "Đạo luật Thương mại năm 2002". Theo đạo luật này, Tổng thống Mỹ được Quốc hội trao cho toàn quyền tiến hành các cuộc thương lượng và ký kết hiệp định với các nước khác trong lĩnh vực tự do hoá thương mại theo một chế độ đã được giản đơn hoá gọi là "Quyền xúc tiến thương mại" (Trade promotion authority). Chế độ này trao cho Tổng thống quyền đảm bảo cho các chính phủ nước ngoài mà Mỹ tiến hành thương lượng với họ về thương mại rằng thoả thuận thương mại được ký kết sẽ được Quốc hội thông qua (hoặc trái lại sẽ không được thông qua) mà không đưa vào bất kỳ một thay đổi nào. Trong khi đó Quốc hội vẫn giữ quyền lập hiến của mình điều tiết ngoại thương, còn chính quyền có trách nhiệm tham khảo thường xuyên với các hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ về các vấn đề có liên quan đến các cuộc thương lượng thương mại. Nên nhớ lại rằng trong 8 năm dưới chính quyền tiền nhiệm Clinton, Quốc hội Mỹ đã phản đối kịch liệt việc trao toàn quyền thương lượng những hiệp định thương mại cho Tổng thống như nội dung đạo luật thương mại năm 2002, nhưng lần này lại được thông qua nhờ những nhân nhượng mang tính bảo hộ của chính quyền Bush trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

Việc hiện thực hoá sáng kiến này nằm trong nội dung đường lối chung của chính quyền Mỹ đối với tự do hoá thương mại quốc tế. Những cái lợi của đường lối này đối với tất cả các thành viên tham gia vào nền kinh tế toàn cầu được khẳng định trong nhiều công trình nghiên cứu của Ngân hàng thế giới (WB). Theo đánh giá của họ, việc xoá bỏ toàn bộ thuế quan, trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp cho những nhà sản xuất dân tộc ở các nước sẽ làm tăng thêm thu nhập trung bình hàng năm của toàn thế giới 355 tỷ. Trong số này, các nước có thu nhập trung bình (755 đến 9.266 đôla theo phân loại của WB) và thu nhập thấp (dưới 755 đôla) được hưởng 52%. Đối với Mỹ việc giảm một phần ba biểu thuế quan hiện có trong buôn bán hàng công nghiệp, nông sản và dịch vụ sẽ làm tăng thu nhập trung bình hàng năm của một gia đình Mỹ có 4 người tới 2.500 đôla. Cũng nên nhớ rằng nhờ giảm thuế quan trong 50 năm qua thu nhập của mỗi gia đình Mỹ trung bình tăng thêm hàng năm 2.000 đôla. Theo ý kiến của Nhà Trắng, "Quyền xúc tiến thương mại" sẽ cho phép đẩy nhanh các cuộc thương lượng về thương mại với các nước đang phát triển, trước hết với các nước Mỹ Latinh và các nước thành viên của Liên minh thuế quan Nam châu Phi (Botswana, Lesotho, Namibia, Cộng hoà Nam Phi và Swaziland). Nó cũng tạo điều kiện để đạt được tiến bộ trong việc chuẩn bị Hiệp định Tự do mậu dịch toàn châu Mỹ (Free Trade Agreement of the Americas).

2. Sáng kiến thứ hai.

Sáng kiến lớn thứ hai này nằm trong lĩnh vực khuyến khích tăng trưởng toàn cầu. Đó là việc mở ra cái gọi là "Tài khoản giải quyết những vấn đề của thiên niên kỷ mới" (thiên niên kỷ thứ ba) với

tên gọi là "Quỹ thách thức thiên niên kỷ - một thoả thuận mới vì sự phát triển toàn cầu" (Millennium challenge Account - A new Compact for Glogal Development, viết tắt là MCA) do Tổng thống Bush công bố tháng 3/2002. Tài khoản này dành cho việc cấp viện trợ tài chính cho những nước đang phát triển, mà theo ý kiến của các tổ chức tài chính quốc tế và các quỹ khác nhau của Hoa Kỳ, là những nước đang thực thi chính sách bảo vệ các quyền tự do dân chủ, cải cách kinh tế nhằm nâng cao tốc độ tăng trưởng và xoá nghèo. "Theo Chiến lược An ninh quốc gia của Tổng thống Bush thì cùng với quốc phòng và ngoại giao, viện trợ phát triển giờ đây có vị trí là một trong ba trụ cột cơ bản trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ"[1]. "MCA trong ba năm tới (kể từ tháng 3/2002, người viết) sẽ làm tăng viện trợ phát triển cơ bản của Hoa Kỳ thêm 50%. Chính quyền Bush sẽ phối hợp chặt chẽ với Quốc hội Hoa Kỳ để tài trợ cho quỹ này. Đến năm tài khoá 2006, tổng số tiền tài trợ cho MCA sẽ làm viện trợ hàng năm tăng thêm 5 tỷ đôla so với mức hiện nay. Các khoản viện trợ không hoàn lại của MCA sẽ được dùng để giúp các nước nghèo thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu hút đầu tư cần thiết nhằm đảm bảo tài chính cho tương lai của chính họ. Chỉ những nước quản lý công bằng, đầu tư cho người dân và mở cửa nền kinh tế cho các doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh mới đủ điều kiện được nhận tài trợ từ MCA". Theo MCA, những nước đủ điều kiện sẽ đề xuất những chương trình cụ thể giải quyết những trở ngại lớn nhất đối với sự phát triển của họ. "Các khoản viện trợ không hoàn lại của MCA sẽ được trao cho các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tư nhân để các tổ chức này sử dụng vào việc thúc đẩy hoạt động quản lý hiệu quả, đẩy mạnh hơn nữa các nỗ lực cải cách kinh tế và chống tham nhũng, phát triển doanh nghiệp và khu vực tư nhân, xây dựng năng lực thương mại và đầu tư, nâng cao năng suất sản xuất nông nghiệp và cải thiện y tế và giáo dục"[2].

Việc đưa một nước đang phát triển vào danh sách nhận viện trợ từ MCA phải dựa trên 16 tiêu chí (với các nguồn cung cấp) được lựa chọn về chất lượng và tính khách quan tương đối của các dữ liệu, áp dụng trên phạm vi quốc gia, công khai, và có quan hệ với tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo (xem bảng kê kèm theo)[3].

Hoạt động của một nước được công nhận là tốt hơn để được nhận tài trợ của MCA chỉ khi họ thể hiện cam kết của mình trong tất cả ba lĩnh vực chính sách nguyên tắc đã nêu trong bảng trên hai khía cạnh:

- Để được coi là triển khai hoạt động tốt hơn, một quốc gia phải có một nửa chỉ tiêu trong mỗi lĩnh vực chính đạt điểm trung bình.

- Vì các điểm số có quan hệ tương quan với thu nhập, các so sánh riêng rẽ sẽ được áp dụng cho những nước có thu nhập bình quân đầu người dưới 1.435 đôla và những nước có thu nhập bình quân đầu người nằm trong khoảng 1.435 đôla đến 2.795 đôla.

Những chỉ tiêu dưới đây và cách đánh giá này buộc các nước cam kết trong cả ba lĩnh vực chính sách, cho phép các nước xác định chính xác lĩnh vực cần cải thiện, hạn chế xu hướng bất lợi cho các nước có thu nhập thấp.

Cần lưu ý đây là viện trợ không hoàn lại, không phải tín dụng và vì thế nó không làm tăng thêm gánh nặng tài chính cho những nước tiếp nhận, nhưng nó gắn liền chặt chẽ trách nhiệm tài chính và sự thành công nên những nước không đạt được kết quả trên mức trung bình về chỉ số chống tham nhũng sẽ không đủ điều kiện[4].

Những chỉ tiêu để xác định khả năng được tài trợ của "Quỹ thách thức thiên niên kỷ" (MCA)

Những nguyên tắc chính sách cơ bản	Các chỉ tiêu	Nguồn thông tin
I. Thúc đẩy tự do kinh tế	1. Đánh giá khả năng tín dụng quốc gia	1. Tạp chí Nhà đầu tư quốc tế - International Investor
	2. Lạm phát	2. Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF
	3. Thâm hụt ngân sách 3 năm liền	3. IMF/ Nguồn quốc gia
	4. Chính sách thương mại	4. Quỹ di sản - Heritage Foundation
	5. Chất lượng quản lý	5. Ngân hàng thế giới - WB
	6. Thời gian chuẩn bị khởi sự một doanh nghiệp	6. WB
II. Quản lý công bằng dựa trên luật pháp	7. Các quyền tự do dân sự	7 Freedom House (Viện Tự do)
	8. Các quyền chính trị	8. Freedom House (Viện Tự do)
	9. Ngôn luận và trách nhiệm giải trình (Chế độ báo cáo)	9. WB
	10. Hiệu quả quản lý của chính phủ	10. WB
	11. Pháp quyền	11. WB
	12. Kiểm soát nạn tham nhũng	12. WB
III. Đầu tư cho con người	13. Tỷ lệ GDP chi cho giáo dục cơ sở công lập	13. WB/ Nguồn quốc gia
	14. Tỷ lệ hoàn thành bậc giáo dục cơ sở	14. WB/ Nguồn quốc gia
	15. Tỷ lệ GDP chi cho y tế công cộng	15. WB/ Nguồn quốc gia
	16. Tỷ lệ tiêm chủng phòng bệnh (Bạch hầu - Uốn ván - Ho gà - Sởi)	16. WB/ Liên Hợp Quốc/ Nguồn quốc gia

Nguồn: *Nhà Trắng, trang số liệu ngày 25/11/2002.*

Việt Nam là một trong những nước hàng đầu ở châu Á được chính quyền của Tổng thống Bush lưu ý khi vận dụng MCA.

3. Sáng kiến thứ ba.

Nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu, chính quyền Bush nêu ra hàng loạt đề nghị cải cách các ngân hàng phát triển đa biên, kể cả Ngân hàng thế giới. Theo ý kiến của Nhà Trắng, hiện nay những ngân hàng đang tạo khả năng một cách không đầy đủ cho sự tăng trưởng của các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi. Khi phân phối viện trợ kinh tế, các ngân hàng phát triển phải nhấn mạnh vào việc nâng cao năng suất của các nền kinh tế các nước tiếp nhận. Điều này có thể đạt được bằng cách tài trợ cho việc áp dụng các đổi mới kỹ thuật công nghệ

để phát triển khu vực tư nhân, đo lường kết quả của viện trợ tài chính, trao các nguồn tài chính dưới hình thức viện trợ tài chính không hoàn lại chứ không phải là các khoản vay. Theo ý kiến của Mỹ, viện trợ tài chính phải giúp đỡ trước hết cho khu vực tư nhân của nền kinh tế chứ không phải khu vực nhà nước của các nước đang phát triển, bởi đây là khu vực thường xảy ra tình trạng ăn cắp quy mô lớn. Những đề nghị cải tổ lĩnh vực này của nền kinh tế toàn cầu có thể nói gọn lại là cần phải cải tiến việc đánh giá chất lượng viện trợ đã được cung cấp, giám sát, quản lý sự phân phối các nguồn tài chính.

Theo ý kiến của chính quyền Mỹ, việc hiện thực hoá chính sách khuyến khích tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi có thể khôi phục được luồng tư bản hướng vào các nước có thu nhập thấp và trung bình. Luồng tư bản quốc tế thuần tuý nhập vào các nước này trong các năm từ 1992-1997 là 150 tỷ USD một năm, trong các năm 1998-2000 đã giảm xuống còn 50 tỷ USD một năm. Sự khôi phục luồng đầu tư này có thể tạo ra nhiều chỗ làm việc mới chất lượng cao, tạo thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng sống ở các nước này. Và điều này đến lượt nó lại có ảnh hưởng tích cực đối với tình hình của nền kinh tế thế giới và tạo thuận lợi cho sự phát triển nhu cầu toàn cầu về hàng hoá và dịch vụ của Mỹ.

Trong thực tế luồng vốn đầu tư trực tiếp hướng vào các nước đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi ngày càng tăng một cách vững chắc từ 2001-2004 khá liên tục ở mức bình quân 193,2 tỷ USD/năm so với 1990-2000 là 132,1 tỷ USD/năm.

* Một vài nhận xét khái quát:

Từ những phân tích ở trên có thể nhận định rằng toàn cầu hoá không phải là một hiện tượng kinh tế thuần tuý, mà là một hiện tượng nhiều nội dung thấm sâu vào tất cả các mặt của đời sống xã hội trên các bình diện quốc gia và quốc tế ở những mức độ khác nhau. Chỉ từ góc độ kinh tế cũng thấy được toàn cầu hoá kinh tế đã, đang và sẽ tác động như thế nào tới những mặt khác nhau của xã hội. Và ngược lại, dù là kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá... tính riêng từng mặt hãy xem xét chúng trong mối quan hệ trực tiếp qua lại với nhau. Chỉ nhìn nhận từ một phía nào đều là chủ quan và phiến diện và do đó hạn chế sự nhận thức đầy đủ thực chất, nội dung đích thực của toàn cầu hoá và vạch ra được những phương sách để vận dụng, xử lý một cách có căn cứ và có lợi cho đất nước ■

Tài liệu tham khảo:

1. Economic Report of the President 2003 and 2006.
2. Survey of Current Business, 2003 and 2006
3. US National Security Strategy 2002, 2007.
4. Conjoncture - BNP Paribas, No.10, December 2005.
5. Triển vọng kinh tế, tập số 8, số 2 - Tạp chí điện tử của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 3/2003.

Chú thích:

(1) Triển vọng kinh tế, tập số 8, Tạp chí điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 3/2003.
(2) Như trên, .Colin L. Powel, ngài Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, trang 3.
(3), (4) Như trên, tài liệu của Nhà trắng (15/11/2002), trang 75.
(5) Survey Current of Business, 2003-July/August; Conjoncture - BNP Paribas, December 2005, No10.